

Phụ lục
DANH SÁCH TÀI SẢN ĐIỀU CHUYỂN

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /12/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

STT	Tên tài sản (chi tiết theo từng cơ sở nhà, đất)	Đơn vị tính	Số lượng	Năm đưa vào sử dụng	Nhà, đất (m ²)			Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại đến 31/12/2024 (đồng)	Ghi chú
					Diện tích đất	Diện tích xây dựng nhà	Diện tích sàn xây dựng nhà			
1	Trụ sở UBND xã Đức Lương (trụ sở làm việc UBND xã Phúc Lương trước sáp nhập) Địa chỉ: xã Đức Lương, tỉnh Thái Nguyên				15,024.8	798.92	1,063.92	24,165,216,946	17,995,623,811	Đã có Công văn số 2695/BCA-H02 ngày 20/6/2025 của Bộ Công an thống nhất chủ trương chuyển giao các cơ sở nhà, đất của địa phương cho Công an tỉnh Thái Nguyên; phương án sắp xếp đã có trong Quyết định số 1933/QĐ-UBND ngày 09/6/2025 của UBND tỉnh Thái Nguyên (trước sắp xếp)
1	Đất	m²			15,024.8			7,756,120,000	7,756,120,000	
	Đất trụ sở UBND	m ²			3,490.8			4,039,000,000	4,039,000,000	
	Đất sân thể thao	m ²			11,534			3,717,120,000	3,717,120,000	
2	Nhà	cái	6			798.92	1063.92	7,298,613,578	3,427,482,359	
	Nhà văn hoá xã Phúc Lương	cái	1	2019		350	350	2,796,927,000	2,137,464,520	
	Nhà 2 tầng UBND xã Phúc Lương	cái	1	2010		265	530	3,150,730,457	665,674,197	
	Nhà làm việc bộ phận một cửa và trả kết quả	cái	1	2018		106.92	106.92	694,117,000	347,058,500	
	Nhà phát thanh	cái	1	2010		20	20	115,916,092	-	
	Nhà vệ sinh	cái	1	2010		35	35	194,273,270	-	
	Nhà vệ sinh sân thể thao (2 gian)	cái	1	2023		22	22	346,649,759	277,285,142	
3	Vật kiến trúc	cái	10					9,110,483,368	6,812,021,452	
	Sân bê tông UB	cái	1	2013				76,289,877	-	
	Nhà để xe UBND	cái	1	2017				93,694,000	18,738,800	
	Sân bê tông, nhà để xe, bồn hoa	cái	1	2012				97,212,486	29,163,744	
	Công, biển trụ sở	cái	1	2020				81,789,031	40,853,514	
	Tường rào UBND xã	cái	1	2010				571,521,636	-	
	Nền sân thể thao	cái	1	2023				3,353,639,540	2,850,593,609	
	Rãnh thoát nước	cái	1	2023				859,790,033	601,853,023	
	Đường bê tông	cái	1	2023				728,306,591	509,814,614	
	Công, tường rào	cái	1	2023				2,932,500,386	2,492,625,328	
	Bục sân khấu	cái	1	2023				315,739,788	268,378,820	

Phụ lục

DANH SÁCH TÀI SẢN ĐIỀU CHUYỂN

(Kèm theo Tờ trình số /TTr-STC ngày /10/2025 của Sở Tài chính tỉnh Thái Nguyên)

STT	Tên tài sản (chi tiết theo từng cơ sở nhà, đất)	Đơn vị tính	Số lượng	Năm đưa vào sử dụng	Nhà, đất (m ²)			Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại đến 31/12/2024 (đồng)	Ghi chú
					Diện tích đất	Diện tích xây dựng nhà	Diện tích sàn xây dựng nhà			
1	Trụ sở UBND xã Đức Lương (trụ sở làm việc UBND xã Phúc Lương trước sáp nhập) Địa chỉ: xã Đức Lương, tỉnh Thái Nguyên				15,024.8	798.92	1,063.92	24,165,216,946	17,995,623,811	
1	Đất	m2			15,024.8			7,756,120,000	7,756,120,000	
	Đất trụ sở UBND	m2			3,490.8			4,039,000,000	4,039,000,000	GCN QSD đất số DC 280346 do UBND tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 30/9/2021
	Đất sân thể thao	m2			11,534			3,717,120,000	3,717,120,000	
2	Nhà	cái	6			798.92	1063.92	7,298,613,578	3,427,482,359	
	Nhà văn hoá xã Phúc Lương	cái	1	2019		350	350	2,796,927,000	2,137,464,520	
	Nhà 2 tầng UBND xã Phúc Lương	cái	1	2010		265	530	3,150,730,457	665,674,197	
	Nhà làm việc bộ phận một cửa và trả kết quả	cái	1	2018		106.92	106.92	694,117,000	347,058,500	
	Nhà phát thanh	cái	1	2010		20	20	115,916,092	-	
	Nhà vệ sinh	cái	1	2010		35	35	194,273,270	-	
	Nhà vệ sinh sân thể thao (2 gian)	cái	1	2023		22	22	346,649,759	277,285,142	
3	Vật kiến trúc	cái	10					9,110,483,368	6,812,021,452	
	Sân bê tông UB	cái	1	2013				76,289,877	-	
	Nhà để xe UBND	cái	1	2017				93,694,000	18,738,800	
	Sân bê tông, nhà để xe, bồn hoa	cái	1	2012				97,212,486	29,163,744	
	Công, biển trụ sở	cái	1	2020				81,789,031	40,853,514	
	Tường rào UBND xã	cái	1	2010				571,521,636	-	
	Nền sân thể thao	cái	1	2023				3,353,639,540	2,850,593,609	
	Rãnh thoát nước	cái	1	2023				859,790,033	601,853,023	
	Đường bê tông	cái	1	2023				728,306,591	509,814,614	
	Công, tường rào	cái	1	2023				2,932,500,386	2,492,625,328	
	Bục sân khấu	cái	1	2023				315,739,788	268,378,820	